

Số: /2023/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và
sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm**

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;¹

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm (*biện pháp bảo đảm*), gồm: *phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ tàu bay), tàu biển; phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm.*

¹ Chữ nghiêng, đậm: Nội dung bổ sung so với Thông tư số 202/2016/TT-BTC.

2. Thông tư này áp dụng đối với người nộp **phí**, tổ chức thu phí **đăng ký giao dịch bảo đảm**; ~~phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ tàu bay), tàu biển; phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm²~~ và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm; ~~phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ tàu bay), tàu biển; phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm.~~

Điều 2. Người nộp phí

Tổ chức, cá nhân khi yêu cầu đăng ký ~~giao dịch~~ **biện pháp** bảo đảm, cung cấp thông tin về ~~giao dịch~~ **biện pháp** bảo đảm, ~~cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch~~ **biện pháp** bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì phải nộp phí theo quy định *tại Thông tư này.*

Điều 3. Tổ chức thu phí

1. *Cục Hàng hải Việt Nam thuộc Bộ Giao thông vận tải hoặc Chi cục Hàng hải, Cảng vụ Hàng hải thuộc (Bộ Giao thông vận tải) theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam* thu phí đăng ký, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng tàu biển, *tài sản khác theo quy định của pháp luật về hàng hải, pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm.*

2. Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm *thuộc Bộ Tư pháp* thu phí đăng ký và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ tàu bay, tàu biển, *chứng khoán đã đăng ký tập trung*), *cây hàng năm theo quy định tại Luật Trồng trọt, công trình tạm theo quy định tại Luật Xây dựng.*

3. Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm ~~thuộc Bộ Tư pháp~~ thu phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm tại Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm.

4. *Cơ quan có thẩm quyền cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu để tra cứu thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu biển theo pháp luật về hàng hải thu phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm bằng tàu biển.*

Điều 4. Mức thu phí

Mức thu phí trong lĩnh vực đăng ký ~~giao dịch~~ **biện pháp** bảo đảm *thực hiện theo quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này như sau:*³

² Chữ bị gạch ngang: Nội dung bãi bỏ so với Thông tư số 202/2016/TT-BTC.

³ Biểu mức thu phí được chuyển sang Phụ lục ban hành kèm dự thảo Thông tư.

Số TT	Nội dung	Mức thu
1	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	
...		
b	Trường hợp đăng ký sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm từ ngày 01/7 hàng năm	150.000 đồng /khách hàng/năm

Điều 5. Các đối tượng được miễn phí

1. ~~Miễn phí~~ đối với cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4, Điều 9 ~~trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của~~ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

2. ~~Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm do lỗi của người thực hiện đăng ký.~~

3. ~~Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xoá thông báo việc kê biên của Chấp hành viên theo quy định của pháp luật thi hành án.~~

4. ~~Thay đổi thông tin của tổ chức, cá nhân sau khi được cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm.~~

5. ~~Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên.~~

6. ~~Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng.~~

Điều 6. Kê khai, nộp phí

1. **Người nộp phí thực hiện nộp phí theo mức thu quy định tại Điều 4 Thông tư này cho tổ chức thu phí theo quy định tại Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính.**

Trường hợp hồ sơ đăng ký được thực hiện qua hệ thống đăng ký trực tuyến thì người nộp phí được lựa chọn nộp phí theo tháng hoặc theo từng lần nộp hồ sơ; trường hợp nộp theo tháng, chậm nhất là ngày 04 hằng tháng, người nộp phí phải nộp toàn bộ số tiền phí phát sinh của tháng liền trước cho tổ chức thu phí.

1. 2. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước.

3. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, thu, nộp và quyết toán phí thu được (tiền phí thu được của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm bao gồm cả phần các Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản chuyển đến) theo quy định tại Thông tư số 74/2022/TT-BTC.

~~2. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.~~

Điều 7. Quản lý và sử dụng phí

~~1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thẩm định và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.~~

~~2. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ thì thực hiện quản lý, sử dụng tiền phí như sau:~~

~~1. a) Tổ chức thu phí là Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản. Số tiền phí thu được được quản lý, sử dụng như sau:~~

~~a) Trích 80% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.~~

~~b) Chuyển 5% số tiền phí thu được vào tài khoản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm để trang trải chi phí cho việc vận hành, duy trì hệ thống đăng ký giao dịch **biện pháp** bảo đảm trực tuyến.~~

~~c) Nộp 15% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiêu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.~~

2. Tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước

~~a) Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc cung cấp dịch vụ, thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.~~

~~b) Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP được trích lại 85% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-~~

CP; nộp 15% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

b) ~~Đối với Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm, Chi cục hàng hải hoặc Cảng vụ hàng hải: Số tiền phí thu được được quản lý, sử dụng như sau:~~

~~Trích lại 85% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ, nộp 15% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.~~

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm và Thông tư số 113/2017/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ; ~~Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có), Luật Quản lý thuế, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về hóa đơn, chứng từ và Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019 và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về hóa đơn, chứng từ.~~

4. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá

nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương của các Hội, Đoàn thể;
- Hội đồng dân tộc;
- Ủy ban tài chính, ngân sách;
- Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp; - Công báo, Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn

BIỂU MỨC THU PHÍ TRONG LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BTC
ngày ... tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Số TT	Nội dung	Mức thu
1	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	
a	Đăng ký giao dịch <i>biện pháp</i> bảo đảm lần đầu bằng động sản (trừ tàu bay, <i>chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam</i>), tàu biển	80.000 đồng/hồ sơ
b	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch <i>biện pháp</i> bảo đảm đã đăng ký	60.000 đồng/hồ sơ
c	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm, <i>đăng ký thay đổi văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm</i>	30.000 đồng/hồ sơ ⁴
d	Xóa đăng ký giao dịch <i>biện pháp</i> bảo đảm, <i>đăng ký xóa văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm</i>	20.000 đồng/hồ sơ
d	Cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký giao dịch <i>biện pháp</i> bảo đảm	25.000 đồng/trường hợp
2	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ tàu bay), tàu biển	30.000 đồng/hồ sơ
3	Phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm	
a	<i>Cấp mã số sử dụng để tự tra cứu một lần</i>	
-	<i>Tra cứu dữ liệu theo tiêu chí cơ bản</i>	10.000 đồng/lần
-	<i>Tra cứu dữ liệu theo tiêu chí cơ bản, tiêu chí nâng cao và được cơ quan đăng ký trích xuất dữ liệu</i>	2.000 đồng/giao dịch
b	<i>Cấp mã số sử dụng để tự tra cứu thường xuyên</i>	
-	<i>Tra cứu dữ liệu theo tiêu chí cơ bản</i>	- 300.000 đồng/khách hàng/năm đối với yêu cầu cấp mã số trước ngày 01/7 hằng năm. - 150.000 đồng/khách hàng/năm đối với yêu cầu cấp mã số từ ngày 01/7 hằng năm.
-	<i>Tra cứu dữ liệu theo tiêu chí cơ bản, tiêu chí nâng cao và được cơ quan đăng ký trích xuất dữ liệu</i>	2.000 đồng/giao dịch
a	Trường hợp đăng ký sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm trước ngày 01/7 hàng năm	300.000 đồng/ khách hàng/năm
b	Trường hợp đăng ký sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm từ ngày 01/7 hàng năm	150.000 đồng/ khách hàng/năm

*** Ghi chú:**

⁴ Mức phí tại điểm c và d điểm 1 Biểu trên là mức phí quy định tại Thông tư số 113/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 202/2016/TT-BTC.

1. Tiêu chí cơ bản (theo quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp) gồm tra cứu thông tin theo số đăng ký biện pháp bảo đảm; số giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của bên bảo đảm; số khung phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

2. Tiêu chí nâng cao gồm tra cứu thông tin theo: loại tài sản bảo đảm (như: phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; tàu cá; phương tiện đường thủy nội địa; phương tiện giao thông đường sắt; phương tiện chuyên dùng trên đường bộ, đường thủy, đường sắt; hàng hóa,...), theo khoảng thời gian; bên nhận bảo đảm là người yêu cầu cung cấp thông tin; thông tin lịch sử đăng ký biện pháp bảo đảm.

3. Trích xuất dữ liệu là việc cơ quan đăng ký trích xuất dữ liệu gốc tương ứng với thông tin tra cứu theo tiêu chí cơ bản hoặc nâng cao theo đề nghị của người tra cứu.

4. Mức phí đăng ký giao dịch bảo đảm quy định tại điểm 1 Biểu mức thu phí chưa bao gồm chi phí thanh toán cước phí dịch vụ bưu chính trong trường hợp kết quả đăng ký được chuyển, trả thông qua dịch vụ bưu chính

5. Đăng ký giao dịch chứng khoán tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện chi trả tiền sử dụng dịch vụ theo quy định tại Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam./.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH**Chi tiết nội dung sửa đổi Thông tư số 202/2016/TT-BTC**

(kèm theo công văn số 2907/BTC-CST ngày 30/3/2023 của Bộ Tài chính)

Bộ Tài chính nhận được công văn số 4944/BTP-ĐKGDBĐ ngày 09/12/2022 của Bộ Tư pháp đề nghị ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm (sau đây viết tắt là GDBĐ).

Căn cứ pháp luật phí và đề xuất của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 202/2016/TT-BTC và Thông tư số 113/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 sửa đổi (điều chỉnh giảm mức thu phí đối với 02 nội dung thu phí tại điểm c, d Mục 1 Điều 4) Thông tư số 202/2016/TT-BTC¹.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

Qua 06 năm thực hiện Thông tư số 202/2016/TT-BTC đã đạt được những kết quả nhất định như tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động thu, chi, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký GDBĐ, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước và tạo điều kiện cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ thu phí chủ động hơn trong việc quản lý, sử dụng phí. Tuy nhiên, hiện hành, pháp luật đăng ký GDBĐ và pháp luật liên quan đã được sửa đổi. Vì vậy, Bộ Tư pháp đã đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất sửa đổi Thông tư số 202/2016/TT-BTC, cụ thể:

1. Thay đổi pháp luật về đăng ký GDBĐ

Sau khi Thông tư số 202/2016/TT-BTC có hiệu lực thi hành, Quốc hội đã thông qua Luật Chứng khoán năm 2019; Chính phủ đã ban hành Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 về đăng ký biện pháp bảo đảm. Trong đó, nhiều quy định được sửa đổi, bổ sung so với quy định trước đó, như:

a) Đăng ký biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC); dịch vụ đăng ký bảo đảm đối với chứng khoán thực hiện theo pháp luật về giá; Bộ Tài chính quy định mức giá dịch vụ.

¹ Tại Thông tư 113 quy định mức thu phí đăng ký GDBĐ đối với: c) Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm: 30.000 đồng/hồ sơ (mức cũ là 70.000 đồng/hồ sơ); d) Cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung cơ sở dữ liệu về GDBĐ: 25.000 đồng/hồ sơ (mức cũ là 30.000 đồng/hồ sơ).

b) Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bổ sung thêm một số tài sản thuộc diện phải đăng ký GDBĐ (cây hàng năm, công trình tạm) và sửa đổi cơ quan thực hiện cấp mã số sử dụng để tra cứu dữ liệu thông tin về biện pháp bảo đảm,... so với quy định trước đó.

Thay đổi nêu trên liên quan trực tiếp đến nội dung quy định thu phí tại Thông tư số 202/2016/TT-BTC. Vì vậy, cần rà soát, sửa đổi Thông tư số 202/2016/TT-BTC để bảo đảm đồng bộ.

2. Thay đổi pháp luật quản lý thuế

Năm 2019, Quốc hội ban hành Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH15, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế (thay thế Nghị định số 83/2013/NĐ-CP) và Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 sửa đổi Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 về hóa đơn, chứng từ; Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 78/2021/TT-BTC hướng dẫn Luật Quản lý thuế và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (thay thế Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước).

Tại Thông tư số 202/2016/TT-BTC quy định khai, nộp phí; in, phát hành chứng từ thu phí, theo quy định tại Luật Quản lý thuế năm 2006 và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý thuế năm 2006. Vì vậy, cần sửa đổi Thông tư số 202/2016/TT-BTC phù hợp với quy định hiện hành về quản lý thuế.

Từ căn cứ nêu trên, việc nghiên cứu xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 202/2016/TT-BTC là cần thiết, bảo đảm phù hợp pháp luật chuyên ngành về đăng ký GDBĐ, quản lý thuế và thực tế.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG THÔNG TƯ

1. Mục đích

Việc ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 202/2016/TT-BTC bảo đảm mục đích:

- Bảo đảm chính sách thu phí trong lĩnh vực đăng ký GDBĐ đồng bộ, thống nhất với pháp luật về đăng ký GDBĐ và quản lý thuế.
- Góp phần cơ bản bù đắp chi phí phục vụ hoạt động đăng ký và thu phí đăng ký GDBĐ.

2. Quan điểm

- Nội dung sửa đổi phải phù hợp với quy định của pháp luật phí, pháp luật quản lý thuế và pháp luật về đăng ký GDBĐ.
- Mức phí phải tuân thủ theo đúng nguyên tắc xác định mức thu phí quy định trong Luật Phí và lệ phí, phù hợp với công việc thu phí, cơ bản bù đắp chi phí phát sinh.

- Kế thừa quy định hiện hành đang hiệu quả, những nội dung sửa đổi cần được đánh giá kỹ, bảo đảm khả thi trong thực hiện.

III. BỐ CỤC THÔNG TƯ VÀ CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Bố cục của Thông tư gồm 08 Điều: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; Điều 2. Người nộp phí; Điều 3. Tổ chức thu phí; Điều 4. Mức thu phí; Điều 5. Miễn phí; Điều 6. kê khai, nộp phí; Điều 7. Quản lý, sử dụng phí; Điều 8. Tổ chức thực hiện.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung so với hiện hành như sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Tại Danh mục phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí quy định: *Phí trong lĩnh vực đăng ký GDBĐ* gồm: phí đăng ký GDBĐ; phí cung cấp thông tin về GDBĐ bằng động sản (trừ tàu bay), tàu biển; phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về GDBĐ.

- Tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm.

Như vậy, nội dung dịch vụ cung cấp đã thay đổi so với tên khoản phí. Để đảm bảo phù hợp với Luật Phí và lệ phí và nội dung dịch vụ cung cấp, dự thảo Thông tư quy định khoản 1 Điều 1 như sau: “1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm (*biện pháp bảo đảm*), gồm: *phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ tàu bay), tàu biển; phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm*².”

Đồng thời sửa các nội dung trong dự thảo Thông tư theo hướng: Tên khoản phí giữ đúng như quy định tại Luật Phí và lệ phí (*phí đăng ký giao dịch bảo đảm*); nội dung dịch vụ thu phí quy định theo đúng Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (*đăng ký biện pháp bảo đảm*).

2. Về người nộp phí

Tại Điều 2 Thông tư 202 quy định: “Tổ chức, cá nhân khi yêu cầu đăng ký GDBĐ, cung cấp thông tin về GDBĐ, cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký GDBĐ, cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về GDBĐ tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì phải nộp phí theo quy định.”

Bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký GDBĐ là 01 nội dung công việc (*văn bản chứng nhận đăng ký, thông báo việc xử lý tài sản đảm bảo, bản sao văn bản chứng nhận*) trong hoạt động đăng ký GDBĐ. Để đảm bảo đồng bộ, tại Điều 2 dự thảo Thông tư quy định: “Tổ chức, cá nhân khi yêu cầu đăng ký ~~giao dịch~~³ *biện pháp* bảo đảm, cung cấp thông tin về ~~giao dịch~~ *biện pháp* bảo đảm, ~~cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký giao dịch~~

² Chữ nghiêng đậm: là nội dung bổ sung so với Thông tư 202.

³ Chữ bị gạch ngang: là nội dung bãi bỏ so với Thông tư 202.

~~bảo đảm, cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch~~ **biện pháp** bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì phải nộp phí theo quy định **tại Thông tư này**” (bỏ cụm từ “cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký GDBĐ”).

3. Về tổ chức thu phí

3.1. Về khoản 1 Điều 3

a) Đề nghị của Bộ Tư pháp: Sửa đổi khoản 1 Điều 3 Thông tư số 202/2016/TT-BTC như sau: “1. **Cục Hàng hải Việt Nam** hoặc Chi cục Hàng hải, Cảng vụ Hàng hải theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải thu phí đăng ký, phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu biển, tài sản khác theo quy định của pháp luật về hàng hải, pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm”.

b) Dự thảo Thông tư

- Tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP quy định: “3. Cục Hàng hải VN trực thuộc Bộ Giao thông vận tải hoặc Chi cục Hàng hải, Cảng vụ Hàng hải theo phân cấp của Cục Hàng hải VN thực hiện đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu biển, tài sản khác quy định tại Điều 41 Nghị định này”.

- Tại Điều 41 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP quy định trường hợp đăng ký thuộc thẩm quyền của Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam gồm:

“1. Thế chấp tàu biển.

2. Bảo lưu quyền sở hữu tàu biển.

3. Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là tàu biển.

4. Đăng ký thay đổi, xóa đăng ký đối với trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Trường hợp tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động theo quy định của pháp luật về hàng hải được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và có yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tài sản này ...”.

Như vậy, Nghị định số 99/2022/NĐ-CP đã bổ sung quy định: (i) Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm đối với tàu biển và tài sản khác liên quan đến lĩnh vực hàng hải; (ii) tài sản khác liên quan đến lĩnh vực hàng hải thuộc diện phải thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm.

Để đảm bảo đồng bộ với Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, dự thảo Thông tư sửa đổi khoản 1 Điều 3 Thông tư số 202/2016/TT-BTC như đề xuất của Bộ Tư pháp nêu trên.

3.2. Về khoản 2 Điều 3

a) Đề nghị của Bộ Tư pháp: Sửa đổi khoản 2 Điều 3 Thông tư số 202/2016/TT-BTC như sau: “2. Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản (GDTs) thu phí đăng ký, phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng động sản

(trừ tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), cây hàng năm theo quy định của Luật Trồng trọt, công trình tạm theo quy định của Luật Xây dựng”

b) Dự thảo Thông tư

- Theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP: Trung tâm Đăng ký GDTTS thực hiện đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng động sản không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung và trường hợp khác quy định tại Điều 44 Nghị định này.

- Tại điểm đ khoản 1 Điều 44 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP quy định các trường hợp đăng ký theo yêu cầu hoặc theo quy định pháp luật gồm: “Biện pháp bảo đảm bằng tài sản gắn liền với đất là cây hàng năm, công trình tạm”.

Đề phù hợp với quy định nêu trên, dự thảo Thông tư sửa đổi khoản 2 Điều 3 Thông tư số 202/2016/TT-BTC như đề xuất của Bộ Tư pháp nêu trên.

3.3. Về khoản 3 Điều 3

a) Đề nghị của Bộ Tư pháp: Sửa đổi khoản 3 Điều 3 Thông tư số 202/2016/TT-BTC như sau: “3. Cục Đăng ký GDBĐ thu phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về GDBĐ tại Cục Đăng ký GDBĐ **bằng động sản, cây hàng năm, công trình tạm**”.

b) Dự thảo Thông tư

Quy định tại Thông tư số 202/2016/TT-BTC đã bao quát hết các trường hợp phát sinh. Theo đó, pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm quy định Cục Đăng ký GDBĐ thực hiện cấp mã số sử dụng dữ liệu thì sẽ thu phí cấp mã sử dụng. Việc quy định chi tiết như Bộ Tư pháp đề xuất sẽ phải điều chỉnh Thông tư thu phí khi pháp luật chuyên ngành thay đổi. Vì vậy, dự thảo Thông tư giữ quy định như tại Thông tư số 202/2016/TT-BTC.

3.4. Bổ sung nội dung về cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu

a) Đề nghị của Bộ Tư pháp: Bổ sung nội dung: “Cơ quan có thẩm quyền cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu để tra cứu thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu biển theo pháp luật về hàng hải thu phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về GDBĐ bằng tàu biển”.

b) Dự thảo Thông tư

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 50 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP thì: Tổ chức, cá nhân tự tra cứu thông tin có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 23 và Điều 41 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP thì cơ quan có thẩm quyền cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm bằng tàu biển là Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam theo quy định của pháp luật về hàng hải.

Để phù hợp quy định nêu trên, nhất trí với đề nghị của Bộ Tư pháp, dự thảo Thông tư bổ sung thêm khoản 4 Điều 3 quy định như sau: **“4. Cơ quan có thẩm quyền cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu để tra cứu thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu biển theo pháp luật về hàng hải thu phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về GDBĐ bằng tàu biển”**.

4. Về mức phí

Bộ Tư pháp đề nghị sửa đổi 2 khoản phí quy định tại Thông tư số 202/2016/TT-BTC, cụ thể như sau:

4.1. Về phí đăng ký GDBĐ bằng động sản (trừ tàu bay), tàu biển

a) Đề nghị của Bộ Tư pháp: Sửa đổi Mục 1 Điều 4 Thông tư số 202/2016/TT-BTC như sau:

Biểu số 1:

Số tt	Nội dung	Mức thu
1	Phí đăng ký GDBĐ bằng động sản (trừ tàu bay), tàu biển	
a	Đăng ký GDBĐ lần đầu bằng động sản (trừ tàu bay, chứng khoán đã đăng ký tập trung), tàu biển	80.000 đồng/hồ sơ 100.000 đồng/hồ sơ
b	Đăng ký thay đổi nội dung GDBĐ đã đăng ký	60.000 đồng/hồ sơ
c	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm	30.000 đồng/hồ sơ
d	Xóa đăng ký GDBĐ, đăng ký xóa văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm	20.000 đồng/hồ sơ
d	Cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký GDBĐ	25.000 đồng/trường hợp

Đồng thời đề nghị bổ sung ghi chú:

- *Mức phí nêu trên không bao gồm: Chi phí thanh toán cước phí dịch vụ bưu chính trong trường hợp hồ sơ đăng ký, giấy tờ, tài liệu, kết quả đăng ký được chuyển, trả thông qua dịch vụ bưu chính.*

- *Trường hợp việc đăng ký thực hiện thông qua tài khoản sử dụng thường xuyên thì phí đăng ký GDBĐ nộp theo định kỳ hàng tháng.*

Lý do đề nghị tăng mức phí từ 80.000 đồng/hồ sơ lên 100.000 đồng/hồ sơ (tăng 25%): Mức phí đăng ký GDBĐ kế thừa từ năm 2011. Từ đó đến nay, nhiều chi phí đã tăng cao, như: Chi phí văn phòng phẩm tăng từ 4-5 lần; chi phí điện, nước, nhân công, khấu hao tài sản tăng khoảng 4 lần; chỉ số giá tiêu dùng và lương cơ bản đã tăng khoảng từ 30% đến 50%,...

b) Dự thảo Thông tư

(1) Về sửa đổi điểm a Mục 1

* *Về nội dung thu:* Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 55 Luật Chứng khoán (có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021) thì hiện Trung tâm Đăng ký GDTs không thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán đã đăng ký tập trung tại VSDC.

Theo quy định tại Thông tư số 101/2021/T-BTC ngày 17/11/2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và VSDC thì: khi thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán đã đăng ký tập trung tại VSDC, VSDC thực hiện thu giá dịch vụ đăng ký biện pháp bảo đảm.

Như vậy, việc sửa tên nội dung thu như đề nghị của Bộ Tư pháp là phù hợp với quy định tại Luật Chứng khoán. Do đó, dự thảo Thông tư sửa nội dung thu tại điểm a Mục 1 Điều 4 như sau: “a) **Đăng ký ~~giao dịch~~ biện pháp bảo đảm lần đầu bằng động sản (trừ tàu bay, chứng khoán đã đăng ký tập trung tại VSDC), tàu biển**”.

* *Về mức phí:* Theo số liệu tại Đề án của Bộ Tư pháp thì: Số tiền phí để lại vẫn đảm bảo để bù đắp chi phí cung cấp dịch vụ. Trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch Covid – 19 còn nặng nề; cùng ảnh hưởng tiêu cực từ xung đột giữa Nga và Ukraina đã làm cho người dân, doanh nghiệp trong nước gặp nhiều khó khăn, vì vậy, dự thảo Thông tư không điều chỉnh tăng mức phí đăng ký GDBĐ như Bộ Tư pháp đề xuất.

(2) Về bổ sung nội dung thu phí tại điểm c và điểm d Mục 1

* *Về nội dung thu:*

- Tại Mục 1 Điều 4 Thông tư số 202/2016/TT-BTC quy định mức thu phí đăng ký đối với Đăng ký *Văn bản thông báo xử lý tài sản đảm bảo*; chưa quy định mức thu phí đối với dịch vụ *đăng ký thay đổi và xóa đăng ký Văn bản thông báo xử lý tài sản đảm bảo*.

- Tại Điều 4 và khoản 5 Điều 10 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP quy định trình tự, thủ tục về đăng ký: thay đổi nội dung và xóa đăng ký Văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm và Trung tâm Đăng ký GDTs thực hiện công việc này⁴.

⁴ Tại Điều 4 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP quy định về các trường hợp đăng ký gồm:

1. Các trường hợp đăng ký bao gồm:

...

c) **Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm** trong trường hợp một tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ mà có nhiều bên cùng nhận bảo đảm hoặc trong trường hợp bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm có thỏa thuận;

d) **Đăng ký thay đổi nội dung đã được đăng ký** (sau đây gọi là đăng ký thay đổi); xóa đăng ký nội dung đã được đăng ký (sau đây gọi là xóa đăng ký) đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

Tại Quyết định số 2546/QĐ-BTP ngày 26/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm quy định về các thủ tục (i) Đăng ký văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm, (ii) đăng ký thay đổi văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm, (iii) xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là động sản, là cây hằng năm, công trình tạm.

Như vậy, hoạt động đăng ký *thay đổi* và *xóa đăng ký* Văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm là một hoạt động thuộc dịch vụ đăng ký biện pháp bảo đảm (thuộc diện thu phí đăng ký GDBĐ); cơ quan có thẩm quyền cung cấp dịch vụ, người đề nghị cung cấp nhận được dịch vụ cung cấp, vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị bổ sung thu phí đối với 02 nội dung công việc này là phù hợp.

* *Về mức thu phí*: Trình tự, thủ tục thực hiện (i) Đăng ký văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm, (ii) đăng ký thay đổi văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm, (iii) xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là tương tự nhau.

Đồng thời, trình tự, thủ tục “xóa đăng ký văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm” và “xóa đăng ký biện pháp bảo đảm” được thực hiện chung một quy trình giải quyết ban hành kèm theo Quyết định số 2546/QĐ-BTP.

Để đảm bảo đồng bộ, nhất trí với đề nghị của Bộ Tư pháp, dự thảo Thông tư sửa đổi quy định tại điểm c và điểm d Mục 1 Điều 4 Thông tư số 202/2016/TT-BTC như sau:

Biểu số 2:

Số tt	Nội dung	Mức thu
1	Phí đăng ký GDBĐ bằng động sản (trừ tàu bay), tàu biển	
..		
c	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm, <i>đăng ký thay đổi văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm</i>	30.000 đồng/hồ sơ
d	Xóa đăng ký giao dịch <i>biện pháp</i> bảo đảm, <i>đăng ký xóa văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm</i>	20.000 đồng/hồ sơ

(3) Về đề nghị bổ sung quy định: “*Mức thu phí đăng ký GDBĐ chưa bao gồm: Chi phí thanh toán cước phí dịch vụ bưu chính trong trường hợp hồ sơ*

2. Việc đăng ký được thực hiện tại cơ quan có thẩm quyền đăng ký quy định tại Điều 10 Nghị định này.

- Tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP quy định về cơ quan đăng ký, cơ quan cung cấp thông tin như sau: *Trung tâm đăng ký GDTs của Cục Đăng ký GDBĐ thuộc Bộ Tư pháp thực hiện đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng động sản không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung (sau đây gọi là động sản) và trường hợp khác quy định tại Điều 44 Nghị định này.*

đăng ký, giấy tờ, tài liệu, kết quả đăng ký được chuyển, trả thông qua dịch vụ bưu chính”.

- Tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP quy định:

2. Nghĩa vụ của người yêu cầu đăng ký, của người yêu cầu cung cấp thông tin: a);

b) *Nộp phí, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, pháp luật về giá, pháp luật khác có liên quan; thanh toán phí chuyển khoản, phí sử dụng dịch vụ thanh toán khác không bằng tiền mặt (nếu có) trong trường hợp thực hiện việc nộp phí, giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác bằng thanh toán không dùng tiền mặt; thanh toán cước phí dịch vụ bưu chính trong trường hợp hồ sơ đăng ký, giấy tờ, tài liệu, kết quả đăng ký, bản sao văn bản chứng nhận đăng ký, kết quả cung cấp thông tin được chuyển, trả thông qua dịch vụ bưu chính....*

- Chi phí dịch vụ bưu chính chỉ phát sinh đối với một số trường hợp sử dụng dịch vụ bưu chính, không phát sinh đối với mọi trường hợp. Các trường hợp không sử dụng dịch vụ bưu chính để chuyển, trả kết quả đăng ký biện pháp bảo đảm thì người đề nghị trực tiếp đến lấy kết quả (không phải trả dịch vụ bưu chính).

Để bảo đảm rõ ràng, thống nhất, dự thảo Thông tư quy định tại Mục “Ghi chú” cuối Biểu mức phí nội dung: **“4. Mức phí đăng ký GDBĐ chưa bao gồm chi phí thanh toán cước phí dịch vụ bưu chính trong trường hợp kết quả đăng ký được chuyển, trả thông qua dịch vụ bưu chính”.**

(4) Về đề nghị bổ sung quy định: *“Trường hợp đăng ký thực hiện thông qua tài khoản sử dụng thường xuyên thì phí đăng ký GDBĐ nộp theo định kỳ hàng tháng”.*

- Theo quy định Nghị định số 99/2022/NĐ-CP thì:

+ Tổ chức, cá nhân khi đăng ký GDBĐ có thể nộp hồ sơ cho cơ quan đăng ký theo 1/3 hình thức sau: a) *Qua hệ thống đăng ký trực tuyến; b) Nộp bản giấy trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính; c) Qua thư điện tử* (khoản 1 Điều 13).

+ Trường hợp tổ chức, cá nhân đăng ký trực tuyến: Cơ quan đăng ký sẽ cấp cho Tài khoản truy cập Hệ thống đăng ký trực tuyến (Điều 23).

- Theo Bộ Tư pháp (tại công văn số 4944/BTP-ĐKGDBĐ) cho biết: Các tổ chức tín dụng thường xuyên sử dụng dịch vụ đăng ký biện pháp bảo đảm sẽ được cấp Tài khoản truy cập hệ thống, để nộp hồ sơ đăng ký qua hệ thống đăng ký trực tuyến. Thực tế, đã có tài khoản thường xuyên yêu cầu đăng ký khoảng 400 giao dịch/ngày. Trường hợp này, nếu nộp phí theo từng lần giao dịch thì sẽ phát sinh khối lượng công việc rất lớn cho người nộp phí và tổ chức thu (in, phát hành biên lai; thu, nộp phí).

Để đơn giản thủ tục thu, nộp phí, tạo thuận lợi cho thực hiện, Bộ Tư pháp đề nghị bổ sung quy định cho phép người nộp phí có thể thực hiện nộp phí cho cơ quan đăng ký theo tháng.

Nhất trí với đề nghị của Bộ Tư pháp, dự thảo Thông tư quy định tại khoản 1 Điều 6 (về khai, nộp phí của người nộp) nội dung: ***“Trường hợp hồ sơ đăng ký được thực hiện qua hệ thống đăng ký trực tuyến thì người nộp phí được lựa chọn nộp phí theo tháng hoặc theo từng lần nộp hồ sơ; trường hợp nộp theo tháng, chậm nhất là ngày 04 hằng tháng⁵, người nộp phí phải nộp toàn bộ số tiền phí phát sinh của tháng liền trước cho tổ chức thu phí”***.

(5) Bổ sung quy định về việc loại trừ chứng khoán đã đăng ký tại VSDC tại mục 2 Biểu mức thu phí.

Tại Thông tư số 101/2021/TT-BTC đã quy định về giá dịch vụ đăng ký biện pháp bảo đảm, giá cung cấp thông tin về GDBĐ đối với chứng khoán đã đăng ký tại VSDC. Vì vậy, dự thảo Thông tư bổ sung điểm 5 Mục “Ghi chú” cuối Biểu mức thu phí như sau: ***“5. Đăng ký giao dịch chứng khoán tập trung tại VSDC thực hiện chi trả tiền sử dụng dịch vụ theo quy định tại Thông tư số 101/2021/TT-BTC”***.

4.2. Về phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về GDBĐ

a) Đề nghị của Bộ Tư pháp: Sửa đổi Mục 3 Biểu phí tại Điều 4 Thông tư số 202/2016/TT-BTC như sau:

- Bổ sung mức thu phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu một lần để tự tra cứu theo tiêu chí cơ bản và trả phí là 10.000 đồng/lần truy cập. Mức phí này dựa trên cách tính sau: Tính trung bình mỗi lần tra cứu, tìm kiếm thông tin cho kết quả của 05 giao dịch. Chi phí cho công tác quản lý, vận hành để có thông tin/dữ liệu cho mỗi giao dịch ước tính là 2.000 đồng/giao dịch. Do đó, mức thu phí trong trường hợp này là: 05 giao dịch x 2.000 đồng/giao dịch = 10.000 đồng.

- Bổ sung mức thu phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu một lần để tự tra cứu theo tiêu chí nâng cao và được Cục Đăng ký GDBĐ trích xuất, chuyển dữ liệu đăng ký biện pháp bảo đảm được tra cứu cho mình và trả phí theo số lượng giao dịch x 2.000 đồng.

Việc tra cứu thông tin về biện pháp bảo đảm theo tiêu chí cơ bản, tiêu chí nâng cao và trích xuất được dữ liệu để chuyển cho người tra cứu đòi hỏi Hệ thống đăng ký trực tuyến phải được thiết kế, xây dựng, nâng cấp ở mức độ cao để thực hiện được các thuật toán phức tạp mới đáp ứng được yêu cầu. Kết quả tra cứu trong trường hợp này là các giao dịch được cơ quan đăng ký bóc tách từ

⁵ Tại Điều 6 Thông tư 202 quy định: chậm nhất ngày 05 hằng tháng, tổ chức thu phí phải nộp toàn bộ số tiền phí thu được của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước.

Như vậy, trường hợp người nộp phí thực hiện nộp phí theo tháng thì phải nộp phí cho tổ chức thu trước ngày 05 hằng tháng. Do đó, dự thảo Thông tư quy định nộp phí chậm nhất ngày 04 hằng tháng.

cơ sở dữ liệu, phù hợp với yêu cầu nâng cao và có thể thống kê chính xác theo số lượng giao dịch, với chi phí ước tính là 2.000 đồng/giao dịch.

- Sửa đổi mức thu phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu *thường xuyên* để tự tra cứu thông tin *theo tiêu chí cơ bản* (không có tiêu chí nâng cao, không trích xuất dữ liệu) và trả phí theo năm (không giới hạn số lần truy cập) là 500.000 đồng/khách hàng/năm nếu đăng ký sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm trước ngày 01/7 hàng năm; mức phí 250.000 đồng/khách hàng/năm đầu nếu đăng ký sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm sau ngày 01/7.

Mức phí này dựa trên cách tính sau: Tính trung bình, mỗi mã số sử dụng cơ sở dữ liệu thực hiện khoảng 50 lần tra cứu thông tin mỗi năm, trung bình mỗi lần tra cứu, tìm kiếm thông tin cho kết quả của 05 giao dịch và chi phí ước tính là 2.000 đồng/giao dịch. Do vậy: mức thu phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu *thường xuyên* để tự tra cứu thông tin theo tiêu chí cơ bản, không có tiêu chí nâng cao, không trích xuất dữ liệu và trả phí theo năm (không giới hạn số lần truy cập) là: $50 \times 05 \text{ giao dịch} \times 2.000 \text{ đồng/giao dịch} = 500.000 \text{ đồng/khách hàng/năm}$ đối với đăng ký sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm trước ngày 01/7 hàng năm; 250.000 đồng/khách hàng/năm đầu đối với đăng ký sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm sau ngày 01/7.

- Bổ sung mức thu phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu *thường xuyên* để tự tra cứu *theo tiêu chí cơ bản*, tiêu chí nâng cao khác và được Cục Đăng ký GDBĐ trích xuất, chuyển dữ liệu đăng ký biện pháp bảo đảm: 2.000 đồng/giao dịch x số lượng giao dịch được trích xuất, cung cấp.

b) Dự thảo Thông tư

* Về nội dung thu phí

- Tại Điều 17 Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20/6/2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký GDTs, tài sản của Cục Đăng ký GDBĐ thuộc Bộ Tư pháp, quy định: Việc cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng, tài sản kê biên được thực hiện theo các tiêu chí sau đây:

“1. Theo giấy tờ xác định tư cách pháp lý của bên bảo đảm nêu tại khoản 1 Điều 9 của Thông tư này.

2. Theo số khung của phương tiện giao thông cơ giới trong trường hợp tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông cơ giới có số khung.

3. Theo số đăng ký của biện pháp bảo đảm, hợp đồng đã được đăng ký hoặc số văn bản thông báo về việc kê biên tài sản thi hành án, giải tỏa kê biên tài sản thi hành án đã được trao đổi”.

- Theo quy định pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm thì: Tổ chức, cá nhân được cấp mã số tra cứu để tự thực hiện tra cứu dữ liệu đăng ký biện pháp bảo đảm trên Hệ thống cơ sở dữ liệu đăng ký biện pháp bảo đảm. Có 02 hình

thức tra cứu: Tra cứu 01 lần và Tra cứu thường xuyên. Trường hợp *tự tra cứu* thì *chỉ tra cứu được dữ liệu cơ bản* quy định tại Điều 17 Thông tư số 08/2018/TT-BTP nêu trên. Ngoài dữ liệu cơ bản thì còn có *dữ liệu nâng cao*, trường hợp tổ chức, các nhân muốn tra cứu dữ liệu nâng cao thì có đề xuất cơ quan đăng ký trích xuất dữ liệu.

- Tại Thông tư số 202/2016/TT-BTC quy định 01 mức thu phí cấp mã số sử dụng dữ liệu, áp dụng với tra cứu thông tin cơ bản, do *chưa phát sinh yêu cầu tra cứu nâng cao*.

* *Về mức thu phí*: Quy định mức thu phí áp dụng chung tại Thông tư số 202/2016/TT-BTC là chưa phù hợp với từng trường hợp sử dụng dữ liệu (04 trường hợp Bộ Tư pháp nêu trên); quy định này chưa đảm bảo công bằng trong trường hợp chỉ tra cứu 01 lần cũng phải nộp phí mức 300.000 đồng/năm.

Để đảm bảo số tiền phí chi trả tương ứng với nội dung dữ liệu cung cấp, nhất trí với đề nghị của Bộ Tư pháp, dự thảo Thông tư quy định như sau:

Biểu số 3:

Số tt	Nội dung	Mức thu
3	Phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm	
a)	Trường hợp đăng ký sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm trước ngày 01/7 hàng năm	300.000 đồng/khách hàng/năm
b)	Trường hợp đăng ký sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm từ ngày 01/7 hàng năm	150.000 đồng/khách hàng/năm
a	Trường hợp cấp để tự tra cứu một lần theo tiêu chí cơ bản	10.000 đồng/lần tra cứu
b	Trường hợp cấp để tự tra cứu một lần theo tiêu chí cơ bản, tiêu chí nâng cao và được cơ quan đăng ký trích xuất dữ liệu	2.000 đồng/giao dịch
c	Trường hợp cấp để tự tra cứu thường xuyên theo tiêu chí cơ bản*	- Đối với yêu cầu cấp mã số trước ngày 01/7 hàng năm: 300.000 đồng/khách hàng/năm - Đối với yêu cầu cấp mã số sau ngày 01/7 hàng năm: 150.000 đồng/khách hàng/năm
d	Trường hợp cấp để tự tra cứu thường xuyên theo tiêu chí cơ bản, tiêu chí nâng cao và được cơ quan đăng ký trích xuất dữ liệu	2.000 đồng/giao dịch

* Riêng đối với mức phí tại điểm c Biểu số 3 nêu trên, dự thảo Thông tư giữ như mức thu hiện hành vì số thu phí để lại đã đảm bảo kinh phí hoạt động cho tổ chức thu.

5. Về miễn phí

5.1. Đề nghị của Bộ Tư pháp: Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 202/2016/TT-BTC quy định miễn phí đối với 06 trường hợp (tại cột 2 Biểu số 4) thành 07 trường hợp miễn phí (tại cột 3 Biểu số 4).

Biểu số 4:

Stt	Thông tư số 202/2016/TT-BTC	Đề nghị của Bộ Tư pháp
(1)	(2)	(3)
1	Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.	Người yêu cầu đăng ký là cá nhân, hộ gia đình trong biện pháp bảo đảm thuộc diện không phải nộp phí đăng ký theo quy định của pháp luật về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.
2	Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm do lỗi của người thực hiện đăng ký.	Chỉnh lý thông tin có sai sót do lỗi của cơ quan đăng ký.
3	Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xoá thông báo việc kê biên của Chấp hành viên theo quy định của pháp luật thi hành án.	Cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền quy định tại Điều 52 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/2022/NĐ-CP có yêu cầu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm hoặc đề nghị cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu.
4	Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên.	
5	Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng.	
6	Thay đổi thông tin của tổ chức, cá nhân sau khi được cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm.	Thay đổi thông tin của tổ chức, cá nhân sau khi được cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm.
7		Xoá đăng ký theo nội dung của bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án hoặc xoá đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở, xoá đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản do đã đăng ký chuyển tiếp tại Văn phòng đăng ký đất đai.
8		Hủy đăng ký biện pháp bảo đảm.

Stt	Thông tư số 202/2016/TT-BTC	Đề nghị của Bộ Tư pháp
(1)	(2)	(3)
9		Trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí, pháp luật khác liên quan.

5.2. Dự thảo Thông tư

- Tại khoản 1 Điều 10 Luật Phí và lệ phí quy định: “*Các đối tượng thuộc diện miễn, giảm phí, lệ phí bao gồm trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật*”.

- Tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018), quy định: “4. Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này không phải nộp phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản tại phòng công chứng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác, phí đăng ký GDBĐ tại cơ quan đăng ký GDBĐ”.

Để phù hợp với Luật Phí và lệ phí, tại Điều 6 dự thảo Thông tư quy định miễn phí dẫn chiếu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 116/2018/NĐ-CP, cụ thể: “1. Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP”.

6. Về kê khai, nộp phí; chứng từ thu phí

a) Về khai, nộp phí: Ngày 22/12/2022, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 74/2022/TT-BTC quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính. Trong đó, đã quy định cụ thể về hình thức khai, nộp phí.

Để đảm bảo đồng bộ, tại Điều 6 dự thảo Thông tư quy định về khai, nộp phí: Dẫn chiếu thực hiện theo Thông tư số 74/2022/TT-BTC.

b) Về chứng từ thu phí: Tại khoản 2 Điều 8 Dự thảo Thông tư quy định: Dẫn chiếu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Nghị định số 11/2020/NĐ-CP và Thông tư số 78/2021/TT-BTC.

7. Về quản lý và sử dụng phí

7.1. Quy định hiện hành

Tại Thông tư số 202/2016/TT-BTC quy định trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi thì được để lại tiền phí thu được như sau:

- Đối với Trung tâm Đăng ký GDTS: Trích để lại 80% tiền phí thu được để trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, trích 5% tiền phí thu được chuyển Cục Đăng ký GDBĐ để Cục chỉ vận hành Hệ thống đăng ký biện pháp bảo đảm trực tuyến, nộp ngân sách nhà nước 15%.

- Đối với Cục Đăng ký GDBĐ, cơ quan hàng hải: Trích để lại 85% tiền phí thu được để trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, nộp ngân sách nhà nước 15%.

7.2. Đề nghị của Bộ Tư pháp: Sửa đổi quy định về quản lý, sử dụng tiền phí của các Trung tâm Đăng ký GDTs như sau:

- **Trích 75%** tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

- **Chuyển 10%** tiền phí thu được vào tài khoản của Cục Đăng ký GDBĐ để trang trải chi phí cho vận hành, duy trì Hệ thống đăng ký GDBĐ trực tuyến.

- Nộp 15% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

Lý do:

- Việc cung cấp dịch vụ và thu phí đăng ký, cung cấp thông tin về đăng ký GDBĐ do các Trung tâm Đăng ký GDTs thực hiện *đều phải thao tác, khai thác trên nền tảng Hệ thống đăng ký GDBĐ trực tuyến do Cục Đăng ký GDBĐ trực tiếp quản lý, vận hành.* 03 Trung tâm Đăng ký GDTs là đơn vị sự nghiệp của Cục Đăng ký GDBĐ.

- Hiện kinh phí xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống đăng ký GDBĐ trực tuyến được **sử dụng ổn định từ nguồn tiền trích chuyển từ 3 Trung tâm về Cục, không do ngân sách nhà nước bảo đảm.**

- Trong bối cảnh Chính phủ đang đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử và lượng yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản tại các Trung tâm Đăng ký GDTs ngày càng tăng, nhất là các yêu cầu đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến⁶ thì việc đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống đăng ký biện pháp bảo đảm trực tuyến theo hướng hiện đại đáp ứng mục tiêu trên là nhiệm vụ hết sức quan trọng, đòi hỏi có nguồn kinh phí để đầu tư nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống đăng ký biện pháp bảo đảm trực tuyến. Trong khi đó, mức trích chuyển 5% tiền phí thu được từ các Trung tâm Đăng ký GDTs về Cục Đăng ký GDBĐ không đủ lập quỹ đầu tư ổn định, lâu dài để đầu tư cho hạng mục nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, phiên bản ngôn ngữ phần mềm để bảo đảm an toàn, an ninh cho hệ thống, khắc phục các sự cố.

Vì vậy, cần thiết điều chỉnh tăng từ 5% lên 10% tiền phí thu được của các Trung tâm Đăng ký GDTs về Cục Đăng ký GDBĐ để trang trải cho hoạt động đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống đăng ký biện pháp bảo đảm trực tuyến.

7.3. Dự thảo Thông tư

Việc đề xuất tăng mức phí chủ yếu do Bộ Tư pháp đề nghị tăng mức trích chuyển tiền phí thu từ 03 Trung tâm Đăng ký GDTs về Cục Đăng ký GDBĐ từ

⁶ Theo thống kê, yêu cầu đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến trên Hệ thống đăng ký GDBĐ trực tuyến của Cục ĐKGDBĐ có tỉ lệ ngày càng tăng. Trong đó: Năm 2018 chiếm 63,6%; Năm 2019 chiếm 71%; Năm 2020 chiếm 72,9%; Năm 2021 chiếm 79,1%; Năm 2022 (tính đến tháng 8) chiếm 80,9%.

5% lên 10%; để phục vụ yêu cầu tăng chi phí đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống đăng ký biện pháp bảo đảm trực tuyến.

Theo Đề án của Bộ Tư pháp, về cơ bản, số tiền phí để lại cho các Trung tâm Đăng ký GDTTS đảm bảo bù đắp chi phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ của các Trung tâm.

Tại điểm 4.1 Mục III nêu trên, dự thảo Thông tư không điều chỉnh tăng mức phí.

Tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP đã quy định cụ thể các nội dung được chi dùng từ nguồn tiền phí để lại. Trong đó không có chi phí cho đầu tư, nâng cấp Hệ thống Đăng ký trực tuyến.

Vì vậy, dự thảo Thông tư không điều chỉnh tỷ lệ trích chuyển như Bộ Tư pháp đề xuất. Dự thảo Thông tư kết cấu lại nội dung phù hợp và thay đổi tổ chức thu phí tại Điều 3.
